

Bản án số: 822/2022/DS-ST

Ngày: 27-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

2/ Bà Lê Thị Thanh Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 0221/2022/TLST-DS ngày 04/4/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 134/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T;

Trụ sở: số 3 phố H, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện ủy quyền: Ông Phan Anh T, sinh năm 1973 (có mặt).

(Giấy ủy quyền số 486/QĐ-BTSG ngày 16/12/2020).

Nơi cư trú: 2/1 Đường N, Phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 28/2 đường V, Phường L, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2020 của nguyên đơn Ngân hàng T, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phan Anh T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/6/2018, Ngân hàng T Chi nhánh B và ông Nguyễn Minh K có ký giấy Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, số hợp đồng 8852462/16/08062018, số thẻ chính: 4271260008256103, lãi suất: 11%/năm, mục đích vay: tiêu dùng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Minh K đã vi phạm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, không trả nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng theo đúng

cam kết đã ký, khoản nợ đã chuyển quá hạn từ ngày 07/03/2019. Tạm tính đến ngày 27/9/2022, ông Nguyễn Minh K còn nợ là 310.363.292 đồng, bao gồm:

Gốc: 184.990.869 đồng;

Lãi trong hạn: 15.318.272 đồng;

Lãi quá hạn: 110.054.151 đồng.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Minh K vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Minh K cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn Minh K vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn ông Nguyễn Minh K vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông Nguyễn Minh K đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên*

đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Minh K.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 184.990.869 đồng.

Căn cứ vào giấy Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, số hợp đồng 8852462/16/08062018, số thẻ chính: 4271260008256103 ngày 08/6/2022, được lập và có chữ ký xác nhận kèm Phiếu xác nhận thẻ ngày 25/6/2018 giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Minh K đủ cơ sở để xác định Ngân hàng T phát hành cho ông Nguyễn Minh K thẻ Visa Platinum, hiệu lực thẻ: 25/6/2018, hình thức đảm bảo: tín chấp, hạn mức tín dụng được duyệt: 200.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm.

Nội dung giấy Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có hiệu lực pháp luật. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, bị đơn đã không thanh toán tiền đầy đủ cho nguyên đơn theo hóa đơn thanh toán dành cho chủ thẻ. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa án để giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 184.990.869 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn 15.318.272 đồng và tiền lãi quá hạn 110.054.151 đồng tạm tính đến ngày 27/9/2022 và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 07/3/2019 Ngân hàng T đã chuyển toàn bộ số vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Căn cứ giấy Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, số hợp đồng 8852462/16/08062018 và Điều 10 Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa Ngân hàng T và ông Nguyễn Minh K. Việc tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T.

Buộc ông Nguyễn Minh K phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2022 là 310.363.292 (ba trăm mười triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm chín mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc là 184.990.869 (một trăm tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng), lãi trong hạn là 15.318.272 (mười lăm triệu ba trăm mười tám nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng), lãi quá hạn là 110.054.151 (một trăm mười triệu không trăm năm mươi bốn nghìn một trăm năm mươi một đồng) theo giấy Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, số hợp đồng 8852462/16/08062018, số thẻ chính: 4271260008256103 ngày 08/6/2018 giữa Ngân hàng T và ông Nguyễn Minh K.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Minh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.518.165 (mười lăm triệu năm trăm mười tám nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

- Ngân hàng T không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền 10.663.000 (mười triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019599 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Minh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo giấy Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, số hợp đồng 8852462/16/08062018, số thẻ chính: 4271260008256103 ngày 08/6/2018 giữa Ngân hàng T và ông Nguyễn Minh K.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh